

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**Bản án số: 78/2021/HNGĐ – ST**

**Ngày: 30/12/2021**

**V/v “Xin ly hôn”**

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kiều Chinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Đức Thọ
2. Bà Trần Xuân Dạm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị P - sinh năm: 1983 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn N – sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 8C, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Tô Thị P trình bày: Bà P và ông Phạm Văn N tự nguyện chung sống năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh. Vợ chồng sống đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Nay bà P xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 03 con tên Phạm Thị N1 – sinh ngày 25/11/2004, Phạm Thị T – sinh ngày 10/5/2011 và Phạm Thái N2 – sinh ngày 13/3/2013. Khi ly hôn con muốn ở với ai thì người đó nuôi. Nếu ở với bà P thì bà P nuôi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà P và ông N không nợ ai và cũng không ai nợ lại

\* Bị đơn ông Phạm Văn N vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ông N có HKTT tại xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết các thủ tục, tuy nhiên ông N không đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông N vắng mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt các thủ tục đúng quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tô Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Tô Thị P được ly hôn với ông Phạm Văn N.

Về con chung: Giao bà P nuôi con tên Phạm Thị N1 – sinh ngày 25/11/2004, giao ông N nuôi con tên Phạm Thị T – sinh ngày 10/5/2011 và Phạm Thái N2 – sinh ngày 13/3/2013, bà P không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà P và ông N không nợ ai và cũng không ai nợ lại

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Tô Thị P có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn N nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Văn N vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt đối với ông N. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tô Thị P và ông Phạm Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh vào năm 2003, vì vậy hôn nhân giữa bà P và ông N là hợp pháp. Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án ông N vắng mặt. Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng ông N không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại tòa, không thực hiện quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bà P và các tài

liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy năm 2020 bà P có đơn xin ly hôn với ông N, sau đó bà P xin rút đơn khởi kiện. Nay bà P xác định không còn tình cảm với ông N nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Thời gian chung sống giữa bà P và ông N phát sinh mâu thuẫn, theo bà P do do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông N đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà P được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 03 con tên Phạm Thị N1 – sinh ngày 25/11/2004, Phạm Thị T – sinh ngày 10/5/2011 và Phạm Thái N2 – sinh ngày 13/3/2013. Theo bà P, khi ly hôn con muốn ở với ai thì người đó nuôi. Qua ý kiến của con tên N1 có nguyện vọng sống với bà P, còn con tên T và N2 muốn sống với ông N. Tuy ông N không có mặt tại Tòa án để cung cấp lời khai, ý kiến về việc nuôi con, nhưng căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Do đó, xét nguyện vọng của các con bà P và ông N, cần giao con tên N1 cho bà P nuôi, giao con tên T và N2 cho ông N nuôi.

Về cấp dưỡng: Do ông N vắng mặt nên cần tách việc cấp dưỡng nuôi con ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà P phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị P được ly hôn với ông Phạm Văn N.

2. Về con chung: Bà P nuôi con tên Phạm Thị N1 – sinh ngày 25/11/2004. Ông N nuôi con tên Phạm Thị T – sinh ngày 10/5/2011 và Phạm Thái N2 – sinh ngày 13/3/2013.

Về cấp dưỡng: Cần tách việc cấp dưỡng nuôi con ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà P chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 019758 ngày 07 tháng 6 năm 2021

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- UBND xã L
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kiều Chinh**